TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:07/2021/DS-ST Ngày: 26-5-2021 V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, tranh chấp hợp đồng thế chấp và tranh chấp hợp đồng cầm cố đất.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thiệt Khá;

Ông Trần Duy Hồ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa***: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2021/QĐST-DS, ngày 04 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A.

Địa chỉ: phường L, quận H, Thành phố H1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn A, Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Duy P. Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Đồng Tháp.

Địa chỉ: phường 2, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Duy P là anh Trần Văn D, chức vụ: Trưởng phòng PGD H2, Ngân hàng TMCP A, Chi nhánh Đồng Tháp.

2- Bị đơn: Chị Bùi Thị B, sinh năm 1991.

Địa chỉ: ấp 1, xã 2, thành phố H2, tỉnh Đồng Tháp.

3- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Hùng C, sinh năm 1987.

Địa chỉ: ấp 1, xã 2, thành phố H2, Đồng Tháp.

2/ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: ấp 1, xã 2, thành phố H2, Đồng Tháp.

3/ Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp N, xã C1, huyện T1, Đồng Tháp.

4/ Anh Nguyễn Văn C2, sinh năm 1983.

5/Chị Phan Thị M, sinh năm 1976 (vợ anh Cuộc).

Cùng địa chỉ: ấp 2, xã 4, thành phố H2, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Đồng Tháp do anh Trần Văn D làm đại diện theo ủy quyền trình bày:

Vào ngày 20/8/2019, Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Đồng Tháp đã ký hợp đồng tín dụng số 792/2019/NHNT-ĐT/PGDHN với chị Bùi Thị B như sau:

Số tiền cho vay 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), mục đích sử dụng vốn vay: Phục vụ nhu cầu bổ sung vốn trồng lúa và nuôi cá lóc, thời hạn rút vốn: 06 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng (20/8/2019); thời hạn trả nợ cho từng khoản vay: 09 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân, cụ thể theo từng lần nhận nợ, trả lãi: 03 tháng/lần vào ngày 15 tây của tháng thứ ba, trả gốc: cuối kỳ. Lãi suất: 8.5%/năm và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng TMCP A, Chi nhánh Đồng Tháp từng thời kỳ. Tính đến thời điểm nộp đơn khởi kiện, tạm tính đến ngày 14/9/2020, tổng dư nợ của chị Bùi Thị B tại Ngân hàng TMCP A Chi nhánh Đồng Tháp là 423.783.541đ (trong đó gốc là 400.000.000đ, lãi là 23.783.541đ).

Tài sản bảo đảm: Căn cứ theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 261/2019/VCB-ĐT/PGDHN ngày 20/8/2019 đối với các thửa đất như sau:

+ Thửa số 401, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.778m^2, loại đất trồng lúa nước. Đất do anh Nguyễn Hùng C đứng tên quyền sử dụng đất.

+ Thửa số 421, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.032m^2, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm. Đất do anh Nguyễn Hùng C và chị Bùi Thị B đứng tên quyền sử dụng.

+ Thửa số 65, tờ bản đồ số 10, diện tích 4.196m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước. Đất do anh Nguyễn Hùng C và chị Bùi Thị B đứng tên quyền sử dụng.

Nay Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Đồng Tháp yêu cầu chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Hùng C cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A – chi nhánh Đồng Tháp toàn bộ số tiền vay còn thiếu tạm tính đến hết ngày 14/9/2020 tổng số tiền là 423.783.541đ (trong đó gốc là 400.000.000đ, lãi là 23.783.541đ) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 792/2019 ngày 20/8/2019/NHNT-ĐT/PGDHN. Khi chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Hùng C thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng TMCP A sẽ trả lại toàn bộ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp. Trường hợp chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Hùng C không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ vay thì Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 261/2019/VCB-ĐT/PGDHN ngày 20/8/2019 để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 261/2019/VCB-ĐT/PGDHN ngày 20/8/2019 để đảm bảo thi hành án cho đến khi chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Hùng C thanh toán xong các khoản nợ của Ngân hàng.

- *Bị đơn chị Bùi Thị B* đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không có văn bản ý kiến hay bản khai gửi cho Tòa án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hùng C vắng mặt nhưng căn cứ vào bản khai ngày 09/3/2021 của anh C thể hiện ý kiến như sau trình bày:* Anh là chồng của Bùi Thị B, anh thừa nhận vợ chồng anh có vay tiền của Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Đồng Tháp, phòng giao dịch H2 số tiền đúng như Ngân hàng khởi kiện (hợp đồng vay do vợ anh là Bùi Thị B ký tên), anh có ký hợp đồng thế chấp số 261/2019/VCB-ĐT/PGDHN ngày 20/8/2019 để thế chấp 3 thửa đất số số 401, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.778m^2, loại đất trồng lúa nước. Đất do anh (Nguyễn Hùng C) đứng tên quyền sử dụng. Thửa số 421, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.032m^2, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm và thửa số 65, tờ bản đồ số 10, diện tích 4.196m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước (Hai thửa đất này do anh và vợ anh là chị Bùi Thị B đứng tên quyền sử dụng).

Nay Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Đồng Tháp khởi kiện yêu cầu vợ anh Bùi Thị B (Nguyễn Hùng C) cùng trả số tiền vay gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu) và lãi theo quy định và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp thì anh đồng ý. Vợ chồng anh thống nhất cùng liên đới trả số tiền vay gốc, lãi còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Đồng Tháp. Nếu vợ chồng anh không trả nợ cho Ngân hàng thì vợ chồng anh đồng ý cho Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Đồng Tháp xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Đối với việc cố đất giữa anh với anh Nguyễn Văn C2 và chị Phan Thị M thì anh thừa nhận có làm tờ cam kết ngày 18/6/2020. Nội dung: " *Tôi cố cho anh C2, chị M phần đất 2,7 công tầm cắt với giá 60.000.000đ, tôi có nhận trước của anh C2 50.000.000đ, phần còn lại khi thu hoạch lúa thì đưa thêm, thời hạn cố là 2 năm*".

Do phần đất anh cố cho anh C2 anh đã thế chấp cho Ngân hàng, mặc dù thời hạn cố chưa hết nhưng do hiện nay Ngân hàng đang khởi kiện vợ chồng anh để thu hồi nợ. Vì vậy đối với yêu cầu của anh Nguyễn Văn C2 yêu cầu Hủy hợp đồng cầm cố đất đề "Tờ cam kết" ngày 18/6/2020 giữa anh với anh C2 và chị M, đồng thời yêu cầu vợ chồng anh (Nguyễn Hùng C và Bùi Thị B) trả lại cho anh C2 số tiền 50.000.000đ (năm chục triệu đồng), anh C2 tự nguyện trả đất lại cho anh thì anh đồng ý. Ngoài ra, anh không có ý kiến gì khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T trình bày:* Anh là anh ruột của Nguyễn Hùng C. Anh nhận được Thông báo đưa Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, anh có ý kiến như sau: Nội dung Bùi Thị B và Nguyễn Hùng C vay vốn tại Ngân hàng TMCP A – chi nhánh Đồng Tháp thì anh không có ý kiến, vì anh không liên quan gì đến số tiền vay này. Tòa án cứ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Riêng tài sản B và C thế chấp cho Ngân hàng là hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 261/2019/VCB-ĐT/PGDHN ngày 20/8/2019 để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định. Đối với phần đất thửa 65, đất ruộng và thửa 421 là đất khu mồ mã, do anh Nguyễn Hùng C đứng tên quyền sử dụng đất, hiện trạng không thay đổi so với thời điểm thế chấp. Đối với thửa đất số 401 trước đây tại thời điểm thế chấp thì là đất ruộng, hiện nay anh và Đ đã đào ao nuôi tôm. Đối với tài sản thế chấp này anh không tranh chấp chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này. Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật. Khi nào giải quyết xong vụ án, Ngân hàng có đem ra hóa giá thì anh xin thỏa thuận với Ngân hàng, Nguyễn Hùng C để mua lại. Ngoài ra anh không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn Đ thể hiện ý kiến như sau:* Anh là anh ruột của Nguyễn Hùng C. Anh thống nhất theo lời trình bày của anh Nguyễn Văn T. Nội dung Bùi Thị B và Nguyễn Hùng C vay vốn tại Ngân hàng TMCP A – chi nhánh Đồng Tháp thì anh không có ý kiến, vì anh không cùng vay với B, anh không sử dụng số tiền vay này. Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Riêng tài sản B và C thế chấp cho Ngân hàng là hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 261/2019/VCB-ĐT/PGDHN ngày 20/8/2019 để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định. Đối với phần đất thửa 65, đất ruộng và thửa 421 là đất khu mồ mã, do Nguyễn Hùng C đứng tên quyền sử dụng đất, hiện trạng không thay đổi so với thời điểm thế chấp. Đối với thửa đất số 401 trước đây tại thời điểm thế chấp thì là đất ruộng, hiện nay anh đã đào ao nuôi tôm cùng với người anh tên Nguyễn Văn T. Đối với tài sản thế chấp này anh không tranh chấp chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này. Tòa án cứ giải quyết theo quy định của pháp luật. Khi nào giải quyết xong vụ án, Ngân hàng có đem ra hóa giá thì anh thỏa thuận với Nguyễn Hùng C mua lại. Ngoài ra anh không yêu cầu hay trình bày gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn C2 trình bày:* Vào ngày 18/6/2020 anh Nguyễn Hùng C có cố cho anh diện tích đất 2,7 công tằm cắt với giá 60.000.000đ, anh có đưa trước cho anh C 50.000.000đ, phần còn lại khi thu hoạch lúa thì đưa thêm, thời hạn cố là 2 năm. Do phần đất trước khi cố cho anh thì anh Nguyễn Hùng C và Bùi Thị B đã thế chấp cho Ngân hàng, nhưng anh không

biết. Thời hạn cố chưa hết, nhưng do hiện nay Ngân hàng đang khởi kiện vợ chồng C và B để thu hồi nợ. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự giải quyết: Hủy hợp đồng cầm cố đất đề "Tờ cam kết" ngày 18/6/2020 giữa vợ chồng anh với anh Nguyễn Hùng C, đồng thời yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng Nguyễn Hùng C và Bùi Thị B trả lại cho anh số tiền 50.000.000đ (năm chục triệu đồng), anh tự nguyện trả đất lại cho anh C, chị B. Ngoài ra, anh không yêu cầu gì thêm.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị M trình bày:* Chị thống nhất theo trình bày và yêu cầu của chồng chị (anh Nguyễn Văn C2), chị không trình bày bổ sung và cũng không yêu cầu gì thêm. Chị cam kết tự nguyện để chồng chị đứng đơn khởi kiện và tranh chấp. Chị không yêu cầu độc lập từ nay đến khi kết thúc vụ kiện.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Đồng Tháp. Buộc chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Hùng C cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Đồng Tháp số tiền vay còn nợ tổng cộng là 423.783.541đ (Bốn trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi một đồng) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 792/2019 ngày 20/8/2019/NHNT-ĐT/PGDHN. Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Văn C2. Hủy hợp đồng cầm cố đề "Tờ cam kết" ngày 18/6/2020 giữa anh Nguyễn Văn C2, chị Phan Thị M với anh Nguyễn Hùng C. Buộc anh Nguyễn Hùng C và chị Bùi Thị B cùng có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn C2 số tiền 50.000.000đ (Năm chục triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ kiện tranh chấp tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản, tranh chấp hợp đồng thế chấp và tranh chấp hợp đồng cầm cố đất, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn chị Bùi Thị B, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hùng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự này. Vì vậy căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A – Chi nhánh Đồng Tháp về việc yêu cầu chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Hùng C thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A – chi nhánh Đồng Tháp toàn bộ số tiền vay còn thiếu tạm tính

đến hết ngày 14/9/2020 tổng số tiền là 423.783.541đ (trong đó gốc là 400.000.000đ, lãi là 23.783.541đ) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 792/2019 ngày 20/8/2019/NHNT-ĐT/PGDHN. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù chị Bùi Thị B vắng mặt không đến Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến gửi cho Tòa án, nhưng theo ý kiến trình bày của anh Nguyễn Hùng C (là chồng chị B) thừa nhận vợ anh là chị Bùi Thị B có vay của Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Đồng Tháp số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng số 792/2019/NHNT-ĐT/PGDHN. Chị Bùi Thị B chưa trả cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi nào, nhưng do anh C và chị B không đến Tòa án để tiến hành hòa giải giữa các bên nên xét nội dung khởi kiện của Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Đồng Tháp yêu cầu chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Hùng C cùng có trách nhiệm trả số tiền vay gốc là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu) và lãi tạm tính đến hết ngày 14/9/2020 là 23.783.541đ, tổng số tiền là 423.783.541đ là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 261/2019/VCB-ĐT/PGDHN ngày 20/8/2019 để đảm bảo thu hồi nợ theo quy định. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh Nguyễn Hùng C và chị Bùi Thị B có ký hợp đồng thế chấp số 261/2019/VCB-ĐT/PGDHN ngày 20/8/2019 để thế chấp 3 thửa đất số 401, thửa số 421 và thửa số 65 do anh, chị đứng tên để vay số tiền 400.000.000đ của Ngân hàng là có thật, thể hiện qua hợp đồng thế chấp có công chứng và thừa nhận của anh Nguyễn Hùng C. Do chị B chưa trả nợ vay và lãi cho Ngân hàng nên việc Ngân hàng TMCP A yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp nêu trên là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Văn C2 về việc yêu cầu hủy hợp đồng cầm cố đất đề "Tờ cam kết" ngày 18/6/2020 giữa vợ chồng anh với anh Nguyễn Hùng C, đồng thời yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng Nguyễn Hùng C và Bùi Thị B trả lại cho anh số tiền 50.000.000đ (năm chục triệu đồng), anh tự nguyện trả đất lại cho anh C, chị B. Hội đồng xét xử xét thấy: Anh C thừa nhận có làm tờ cam kết ngày 18/6/2020. Nội dung: " *Tôi cố cho anh C2, chị M phần đất 2,7 công tằm cắt với giá 60.000.000đ, tôi có nhận trước của anh C2 50.000.000đ, phần còn lại khi thu hoạch lúa thì đưa thêm, thời hạn cố là 2 năm*". Do phần đất anh C cố cho anh C2 đã thế chấp cho Ngân hàng trước đó, mặc dù thời hạn cố chưa hết nhưng hiện nay Ngân hàng đang khởi kiện vợ chồng anh C để thu hồi nợ và anh Nguyễn Văn C2 có yêu cầu Hủy hợp đồng cầm cố đất đề "Tờ cam kết" ngày 18/6/2020 giữa anh với anh C, đồng thời yêu cầu vợ chồng anh Nguyễn Hùng C và Bùi Thị B trả lại cho anh C2 số tiền 50.000.000đ (năm chục triệu đồng), anh C2 tự nguyện trả đất lại cho anh thì anh đồng ý. Ý kiến anh C cũng thừa nhận và đồng ý theo yêu cầu của anh C2, nhưng do anh C và chị B không đến Tòa án để tiến hành hòa giải giữa các bên nên xét yêu cầu của anh Nguyễn Văn C2 là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn Đ hiện đang trực tiếp sử dụng hai thửa đất số 401 và thửa số 421(hiện trạng có một phần đào ao nuôi tôm), đất do anh Nguyễn Hùng C và chị Bùi Thị B đứng tên quyền sử dụng. Tuy nhiên, anh Nguyễn Văn T và anh Nguyễn Văn Đ không tranh chấp hay yêu cầu gì đối với anh C và chị B hay bất kỳ người nào khác

trong vụ án này và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó. Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị M thống nhất theo yêu cầu của chồng chị (anh Nguyễn Văn C2), chị không khởi kiện bổ sung và cũng không yêu cầu gì khác. Do đó. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Đồng Tháp và yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Văn C2 được chấp nhận nên chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Hùng C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Khoản 2 và khoản 4 Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 166, Điều 292, Điều 299, Điều 309, Điều 315, Điều 317, Điều 318, Điều 324, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Đồng Tháp.

- Buộc chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Hùng C cùng có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Đồng Tháp số tiền vay còn nợ tổng cộng là 423.783.541đ (Bốn trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi một đồng) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 792/2019 ngày 20/8/2019/NHNT-ĐT/PGDHN.

- Công nhận hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 261/2019/VCB-ĐT/PGDHN ngày 20/8/2019, bên thế chấp là chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Hùng C, người nhận thế chấp Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Đồng Tháp. Tài sản thế chấp gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 401, tờ bản đồ số 4, diện tích 2.778m^2, loại đất trồng lúa nước, đất do anh Nguyễn Hùng C đứng tên quyền sử dụng; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 421, tờ bản đồ

số 4, diện tích 2.032m^2, loại đất ở nông thôn và trồng cây lâu năm (hiện trạng có một phần đào ao nuôi tôm) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 65, tờ bản đồ số 10, diện tích 4.196m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, hai thửa đất này đất này do anh Nguyễn Hùng C và chị Bùi Thị B đứng tên quyền sử dụng đất, tọa lạc tại xã 2, thành phố H2, tỉnh Đồng Tháp. Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực, chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Hùng C không thực hiện nghĩa vụ trả số tiền vay còn nợ tổng cộng là 423.783.541đ (Bốn trăm hai mươi ba triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi một đồng) và toàn bộ các khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 792/2019 ngày 20/8/2019/NHNT-ĐT/PGDHN cho Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Đồng Tháp, Cơ quan thi hành án dân sự có quyền xử lý tài sản đã thế chấp trong hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 261/2019/VCB-ĐT/PGDHN ngày 20/8/2019 nêu trên để thi hành án theo quy định của pháp luật.

2/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của anh Nguyễn Văn C2.

- Hủy hợp đồng cầm cố đề "Tờ cam kết" ngày 18/6/2020 giữa anh Nguyễn Văn C2, chị Phan Thị M với anh Nguyễn Hùng C.

- Buộc anh Nguyễn Hùng C và chị Bùi Thị B cùng có trách nhiệm trả cho anh Nguyễn Văn C2 số tiền 50.000.000đ (Năm chục triệu đồng).

- Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn C2 đồng ý trả lại phần đất thửa số 65, tờ bản đồ số 10, diện tích 4.196m^2, loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại xã 2, thành phố H2, tỉnh Đồng Tháp cho anh Nguyễn Hùng C và chị Bùi Thị B.

- Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3/ Về án phí:

- Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Đồng Tháp không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001479, ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

- Anh Nguyễn Văn C2 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008849, ngày 14 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

- Buộc chị Bùi Thị B và anh Nguyễn Hùng C cùng có trách nhiệm chịu 23.251.341đ (Hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi một ngàn ba trăm bốn mươi một đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND Tp. Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Tâm